|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: /TTr-BTC   |  | | --- | | ***Dự thảo 2*** | | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**TỜ TRÌNH**

**Về dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính thuế, hóa đơn**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 26/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 7, Bộ Tài chính được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan soạn thảo dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn (sau đây xin được gọi tắt là dự thảo Nghị định). Bộ Tài chính xin trình Chính phủ về việc ban hành Nghị định này như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020 đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế, cụ thể bổ sung: nguyên tắc xử phạt trong trường hợp hành vi vi phạm hành chính về sử dụng hóa đơn (sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn hoặc sử dụng hóa đơn không đúng quy định) dẫn đến thiếu thuế, trốn thuế thì không xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn mà bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế; quy định về biên bản vi phạm hành chính điện tử; quy định miễn tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế cho người nộp thuế (bao gồm cả cá nhân và tổ chức); quy định không xử phạt vi phạm hành chính đối với người nộp thuế thực hiện theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế. Đặc biệt bổ sung quy định xử phạt về hành vi khai sai dẫn đến thiếu thuế đối với trường hợp người nộp thuế đã lập hồ sơ xác định giá thị trường hoặc đã lập tờ khai giao dịch liên kết nhưng cơ quan quản lý thuế, cơ quan có thẩm quyền khi thanh tra, kiểm tra kết luận số liệu thanh tra, kiểm tra khác với số liệu đã khai của người nộp thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn. Tại Chương XV Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết các Điều 138 (hình thức xử phạt, mức phạt tiền, biện pháp khắc phục hậu quả); Điều 139 (thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế); Điều 140 (Miễn tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế); Điều 141 (Hành vi vi phạm về thủ tục thuế); Điều 146 (Xử phạt vi phạm hành chính về phí, lệ phí, hóa đơn trong lĩnh vực quản lý thuế).

Đồng thời, tại Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013 giao Chính phủ quy định hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức phạt tiền, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể đối với từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước và quy định mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính.

Thực tế vừa qua việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn được quy định tại 2 Nghị định khác nhau nên việc áp dụng xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn có nhiều bất cập trong áp dụng nguyên tắc xử phạt cũng như thẩm quyền xử phạt giữa 2 lĩnh vực.

Để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và phù hợp với tình hình thực tế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc xử phạt vi phạm hành chính thuế và hóa đơn thì việc ban hành Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn (thay thế Chương I Nghị định số 129/2013/NĐ-CP, Chương 4, Điều 44 Chương 5 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP và Điều 3 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ..) là cần thiết.

**II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH**

**1. Mục tiêu xây dựng Nghị định**

- Nâng cao ý thức tuân thủ và tự giác chấp hành pháp luật về thuế, quản lý thuế của người nộp thuế, cán bộ thuế, cơ quan quản lý nhà nước; tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý hành chính thuế nhằm chống thất thu, giảm nợ thuế, thu đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước.

- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong xử lý vi phạm hành chính nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch, thống nhất, công bằng trong áp dụng pháp luật; đảm bảo đồng bộ trong nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn.

- Nhằm quy định xử lý những hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn điện tử dự kiến sẽ phát sinh trong thời gian tới khi triển khai thực hiện hóa đơn điện tử trên diện rộng; giải quyết những tồn tại, hạn chế bất cập của các quy định về xử lý vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn hiện hành còn vướng mắc.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị định**

- Đảm bảo sự phù hợp, đồng bộ và thống nhất giữa quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Phù hợp với tình hình thực tế, chủ trương cải cách thủ tục hành chính và tính khả thi khi triển khai thực hiện.

- Kế thừa các quy định phù hợp với tình hình thực tiễn tạiChương I Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; Chương 4, Điều 44 Chương 5 và các nội dung khác về hóa đơn quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn; Điều 3 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP.

- Bổ sung nội dung về trình tự thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt và các biểu mẫu sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn (hiện nay đang hướng dẫn tại cấp Thông tư).

**III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Thực hiện quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Tài chính đã triển khai các công việc sau:

1. Ban hành Quyết định số 2199/QĐ-BTC ngày 30 tháng 10 năm 2019 thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định. Ban soạn thảo do Thứ trưởng Bộ Tài chính làm Trưởng ban; thành viên Ban soạn thảo và Tổ biên tập gồm đại diện Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Ngân hàng nhà nước, Bộ Công thương, Bộ Thông tin và truyền thông, Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ kế hoạch và đầu tư, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Thanh tra Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Hội tư vấn thuế và đại diện một số đơn vị thuộc Bộ Tài chính.
2. Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã tiến hành rà soát các quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn hiện hành, xác định nhưng vấn đề vướng mắc nảy sinh trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thời gian vừa qua để xây dựng dự thảo Nghị định. Các thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã thảo luận, góp ý, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định.
3. Dự thảo Nghị định đã được đăng tải trên Công thông tin điện tử của Chính phủ (từ ngày…) và Bộ Tài chính (từ ngày…) để lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số …./BTC-TCT ngày tháng năm 2019 gửi xin ý kiến của các Bộ…., Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương…

…..

1. Ý kiến của các đơn vị…. (Bảng tổng hợp ý kiến trình kèm).
2. Bộ Tài chính đã tiếp thu, giải trình các ý kiến…
3. Ngày tháng năm 2019, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số /BTC-TCT gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị định.
4. Ngày…, Bộ Tư pháp đã có ý kiến thẩm định dự thảo Nghị định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định…

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Về bố cục**

Bố cục của dự thảo Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn gồm 5 chương và 51 điều, cụ thể như sau:

- Chương I: Quy định chung: 7 điều (từ Điều 1 đến Điều 7).

- Chương II: Hành vi vi phạm hành chính về thuế, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả: 10 điều (từ Điều 8 đến Điều 17)

- Chương III: Hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả: 13 điều (từ Điều 18 đến Điều 30).

* Chương IV: Thẩm quyền xử phạt; thủ tục xử phạt và thi hành quyết định xử phạt: 18 điều (từ Điều 31 đến Điều 48).

- Chương V: Điều khoản thi hành: 3 điều (từ Điều 49 đến Điều 51).

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị đinh**

Nội dung của dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở kế thừa các quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn tại Chương I Nghị định số 129/2013/NĐ-CP, Nghị định số 109/2013/NĐ-CP và Nghị định số 49/2016/NĐ-CP. Sửa đổi, bổ sung một số quy định cho phù hợp với Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Luật Xử lý vi phạm hành chính và xử lý những tồn tại, bất cập phát sinh trong thực tế, cụ thể như sau:

**2.1. Chương I quy định chung**

Chương này quy định những vấn đề chung khi xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn như:

- Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1): Nghị định quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt tiền, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn *(không áp dụng đối với vi phạm hành chính về phí, lệ phí và vi phạm hành chính về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu).* Ngoài ra dự thảo Nghị định còn bổ sung nội dung về trình tự, thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt.

- Bổ sung quy định quy định về giải thích từ ngữ trong dự thảo Nghị định (Điều 2), trong đó:

+ Giải thích vi phạm hành chính về thuế là hành vi có lỗi của người nộp thuế, tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước như: tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thuê mặt nước; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên, sử dụng mặt biển; lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

+ Giải thích cụm từ “*sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp*” và “*sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ”* quy địnhtại Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. Hiện nay Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 119/2018/NĐ-CP có quy định về khái niệm về sử dụng hóa đơn bất hợp pháp và sử dụng bất hợp pháp hóa đơn. Tuy nhiên, tại hai Nghị định này đều không quy định về chứng từ không hợp pháp. Mặt khác, quy định về hóa đơn bất hợp pháp tại hai Nghị định nêu trên chưa bao quát được trường hợp hóa đơn xuất sau ngày doanh nghiệp bỏ trốn hoặc những hóa đơn mà cơ quan có thẩm quyền xác định là hóa đơn bất hợp pháp. Do đó, tại dự thảo Nghị định này bổ sung quy định để giải thích cụm từ “*sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp*” và “*sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ”*để cơ quan thuế dễ xác định các trường hợp sử dụng hóa đơn chứng từ không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn chứng từ (bao gồm cả hóa đơn giấy và hóa đơn điện tử) trong quá trình xử lý vi phạm.

- Về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính (Điều 3): bổ sung quy định về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính để đảm bảo một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt 1 lần.

- Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ (Điều 4): quy định về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trên cơ sở quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành, trong đó xác định vi phạm hành chính với số thuế từ 100 triệu đồng trở lên hoặc giá trị hàng hóa từ 500 triệu đồng trở lên được xác định là vi phạm hành chính về thuế có quy mô lớn. Vi phạm hành chính từ 10 số hóa đơn trở lên được xác định là vi phạm hành chính về hóa đơn có quy mô lớn.

Lý do Khoản 5 Điều 200 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì doanh nghiệp trốn thuế từ 200 triệu đồng trở lên hoặc trốn thuế từ 100 triệu đồng đã bị xử phạt hành chính về hành vi trốn thuế thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trốn thuế. Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ từ 50 số trở lên hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số trở lên thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự . Do đó, Ban soạn thảo đề xuất lấy mức thuế vi phạm 100 triệu đồng hoặc giá trị hàng hóa 500 triệu đồng được xác định là vi phạm hành chính về thuế quy mô lớn. vi phạm từ 10 hóa đơn trở lên được xác định là vi phạm hành chính về hóa đơn với quy mô lớn.

- Về nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền (Khoản 3 Điều 5): dự thảo Nghị định quy định rõ các hình thức xử phạt vi phạm hành chính thuế gồm: phạt cảnh cáo; phạt tiền. Đồng thời, quy định rõ việc giảm trừ khi người nộp thuế vừa có tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng theo nguyên tắc: một tình tiết giảm nhẹ được giảm trừ một tình tiết tăng nặng. Quy định rõ mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế, hóa đơn tại Nghị định này áp dụng đối với tổ chức (mức phạt tiền của cá nhân bằng ½ lần mức phạt tiền đối với tổ chức); bổ sung nguyên tắc xác định mức phạt tiền khi có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ được tính tăng hoặc giảm 10% mức phạt trung bình của khung phạt tiền.

Đối với hành vi khai thiếu thuế và hành vi trốn thuế thì mức phạt tiền theo quy định cụ thể tại Luật quản lý thuế.

- Về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính (Điều 6): Luật Quản lý thuế quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế; hành vi khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn; hành vi trốn thuế. Tại dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết thời hiệu xử phạt và thời điểm tính thời hiệu xử phạt đối với các hành vi này theo quy định của Luật Quản lý thuế và thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn theo Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Về thời hạn truy thu thuế (Khoản 3 Điều 6): theo Khoản 3 Điều 137 Luật quản lý thuế 2019 quy định thời hạn truy thu thuế là 10 năm trở về trước kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm. Tuy nhiên phạm vi điều chỉnh tại dự thảo Nghị định này bao gồm cả các khoản thuế theo pháp luật thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước. Do đó, tại dự thảo Nghị định quy định thời hạn truy thu thuế và các khoản thu khác do tổ chức, cá nhân tự khai, tự nộp vào NSNN là 10 năm theo Khoản 3 Điều 137 Luật quản lý thuế riêng các khoản thu từ đất đai hoặc khoản thu khác do cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân thì thời hạn thu thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

- Về trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về thuế (Điều 7): bổ sung quy định về không xử phạt đối với trường hợp người nộp thuế vi phạm hành chính do thực hiện theo hướng dẫn, quyết định xử lý của cơ quan thuế hoặc cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

**2.2. Chương II quy định về hành vi vi phạm hành chính về thuế, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả**

Về cơ bản các hành vi vi phạm hành chính về thuế được xây dựng trên cơ sở kế thừa các hành vi vi phạm hành chính về thuế đã quy định tại Nghị định số 129/2013/NĐ-CP. Tại dự thảo Nghị định đề xuất tăng mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm thủ tục thuế, quy định chi tiết hành vi sai khai dẫn đến thiếu thuế, mức phạt tiền cụ thể đối với hành vi trốn thuế, cụ thể:

***a. Đề xuất tăng mức phạt tiền đối với nhóm vi phạm về thủ tục thuế***

Theo quy định tại điểm đ, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì mức phạt tối đa đối với một hành vi vi phạm thủ tục thuế là 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức. Theo quy định tại Nghị định số 129/2013/NĐ-CP thì hiện tại mức phạt tiền thấp nhất là 400.000 đồng, mức phạt tiền cao nhất là 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế của tổ chức. Mức phạt tiền này thấp hơn nhiều so với mức tiền phạt tối đa quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Ngoài ra, mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm thủ tục thuế thì mức phạt tiền theo quy định hiện hành (Nghị định số 129/2013/NĐ-CP) thấp so với mức phạt tiền của các hành vi cùng lĩnh vực tương tự, cụ thể:

* Mức phạt tiền đối với nhóm hành vi vi phạm thủ tục thuế từ 400.000đ đến 5.000.000đ.
* Mức phạt tiền đối với nhóm hành vi vi phạm thủ tục hải quan từ 500.000đ đến 40.000.000đ.
* Mức phạt tiền đối với nhóm hành vi vi phạm thủ tục phí, lệ phí từ 1.000.000đ đến 5.000.000đ.
* Mức phạt tiền đối với nhóm hành vi vi phạm thủ tục về giá từ 3.000.000đ đến 25.000.000đ.
* Mức phạt tiền đối với nhóm hành vi vi phạm thủ tục về kế toán từ 5.000.000đ đến 30.000.000đ.

Theo thống kê thì từ năm 2014 đến nay số vụ vi phạm về thủ tục thuế tăng nhiều theo từng năm, cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số vụ vi phạm thủ tục thuế** | **Số vụ vi phạm về hóa đơn** |
| 2014 | 34.837 | 10.557 |
| 2015 | 41.017 | 20.955 |
| 2016 | 91.698 | 34.223 |
| 2017 | 103.381 | 27.535 |
| 2018 | 192.174 | 45.513 |

Theo số liệu nêu trên thì số lượng vụ việc vi phạm năm 2018 tăng khoảng 5,6 lần so với năm 2014. Một trong những nguyên nhân là mức phạt tiền thấp nên chưa đảm bảo tính phòng ngừa, chưa đủ nghiêm khắc để người nộp thuế nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế đối với nghĩa vụ đăng ký thuế và khai các chỉ tiêu trên hồ sơ khai thuế. Trong khi số vụ vi phạm về hóa đơn lại ít hơn do mức phạt cao.

Trong bối cảnh toàn ngành Thuế triển khai kê khai thuế qua mạng với số lượng doanh nghiệp đang thực hiện khai thuế qua mạng là 566.662 doanh nghiệp, đạt tỷ lệ trên 99,81% tổng số doanh nghiệp trên cả nước; thủ tục hành chính thuế được cải cách giảm từ 420 giờ xuống còn 117 giờ tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện quyền kê khai, nộp thuế vào ngân sách Nhà nước thì cần quy định tăng chế tài xử phạt đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế (chậm nộp hồ sơ khai thuế, hành vi khai không đủ hoặc khai sai trên hồ sơ khai thuế…) để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế, giảm thiểu các trường hợp đáng tiếc khi chậm nộp hồ sơ khai thuế trên 90 ngày với số tiền thuế trên 100.000.000 đồng bị chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để xử lý hình sự.

Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ nâng mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế với mức tối thiểu là 500.000 đồng (trước đây là 400.000 đồng) và mức cao nhất là 25.000.000 đồng (trước đây là 5.000.000 đồng), cụ thể:

a1) Nhóm hành vi vi phạm quy định về đăng ký thuế

- Hành vi vi phạm thời hạn đăng ký thuế bị xử phạt từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, trong đó bổ sung quy định chi tiết các hành vi theo từng cấp độ chậm đăng ký thuế (Điều 8). Bổ sung hành vi vi phạm thời hạn đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế, đăng ký tạm ngừng hoạt động (Điều 9).

- Tách hành vi vi phạm thời hạn thông báo thay đổi thông tin trong đăng ký thuế thành 01 điều riêng (Điều 9).

a2) Nhóm hành vi khai sai, khai không đẩy đủ nội dung trong hồ sơ khai thuế

- Hành vi khai sai, khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ khai thuế (không thiếu thuế) bị xử phạt từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng (Khoản 1, 2 Điều 10).

- Hành vi khai sai không dẫn đến thiếu thuế hoặc hành vi thuộc trốn thuế nhưng chưa gây hậu quả bị xử phạt từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng (Khoản 3 Điều 10) với lý do: thực tế nhiều trường hợp người nộp thuế khai sai số thuế đề nghị hoàn, khi cơ quan thuế kiểm tra trước hoàn thuế phát hiện ra số thuế đề nghị hoàn bị sai, mặc dù người nộp thuế chưa nhận được số tiền thuế hoàn nhưng để mức độ vi phạm của hành vi này có tính chất nghiêm trọng hơn hành vi khai sai các chỉ tiêu trên hồ sơ khai thuế, cho nên Ban soạn thảo đề xuất mức phạt tiền đối với hành vi này đến 8.000.000 đồng.

Bổ sung quy định phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế, hồ sơ tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đã nộp đến cơ quan thuế (Khoản 4 Điều 10).

a3) Nhóm hành vi chậm nộp hồ sơ

- Hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế bị xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền ở mức phạt thấp (từ 2.000.000đ đến 5.000.000đ) đối với hành vi vi phạm với số ngày từ 1 đến 30 ngày (Khoản 1, 2 Điều 11). Hành vi này diễn ra chủ yếu trong khi hiện nay việc khai thuế thực hiện qua mạng sẽ không gây khó khăn cho người nộp thuế trong việc chấp hành thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, cho nên, đối với hành vi chậm nộp từ trên 30 ngày bị xử phạt nặng với mức phạt tiền từ 5.000.000đ đến 15.000.000đ (Khoản 3, 4 Điều 11).

- Hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá 90 ngày thuộc hành vi trốn thuế nhưng người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào NSNN trước khi cơ quan thuế công bố quyết định thanh tra hoặc trước khi lập biên bản thì không bị xử phạt về hành vi trốn thuế nhưng bị xử phạt với mức tiền phạt từ 15.000.000đ đến 25.000.000đ để tương ứng với mức độ, tính chất của hành vi này (Khoản 5 Điều 11).

a4) Nhóm hành vi vi phạm quy định về cung cấp thông tin

- Hành vi vi phạm về cung cấp thông tin liên quan đến nghĩa vụ thuế bị xử phạt từ 2.000.000đ đến 5.000.000đ (Điều 12).

- Hành vi vi phạm quy định chấp hành quyết định thanh tra, kiểm tra bị xử phạt từ 2.000.000đ đến 10.000.000đ. Đồng thời, chuyển hành vi không ký biên bản thanh tra, kiểm tra tại khoản 2 về nhóm hành vi tại khoản 1 với mức độ ít nghiêm trọng hơn nhóm hành vi tại khoản 2 (Điều 13 dự thảo).

***b. Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn (Điều 14 dự thảo Nghị định).***

Tại Điều 14 dự thảo Nghị định quy định xử phạt 20% số tiền thuế khai thiếu đối với hành vi: (i) khai sai *căn cứ tính thuế hoặc số tiền thuế được khấu trừ hoặc xác định sai trường hợp được miễn, giảm, hoàn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn nhưng các nghiệp vụ kinh tế đã được phản ánh đầy đủ trên hệ thống sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ; (ii) khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn đối với giao dịch liên kết mà người nộp thuế đã lập hồ sơ xác định giá trị trường hoặc đã lập tờ khai giao dịch liên kết gửi cơ quan thuế theo quy định; (iii) sử dụng hoá đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế được miễn, giảm, nhưng khi cơ quan thuế kiểm tra phát hiện, người mua chứng minh được lỗi vi phạm sử dụng hoá đơn bất hợp pháp thuộc về bên bán hàng và người mua đã hạch toán kế toán đầy đủ theo quy định.*

Đồng thời quy định chi tiết xử phạt về hành vi khai sai dẫn đến thiếu thuế đối với trường hợp người nộp thuế khai sai làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số thuế được miễn, giảm không thuộc trường hợp (i) nhưng người nộp thuế đã tự giác kê khai bổ sung và nộp đủ số tiền thuế thiếu vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế kết thúc thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế thì bị xử phạt 20% tính trên số thuế khai thiếu.

***c. Đối với hành vi trốn thuế (Điều 15 dự thảo Nghị định)***

Điều 15 dự thảo Nghị định quy định chi tiết về mức phạt tiền đối với hành vi trốn thuế quy định tại Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, cụ thể:

Phạt 1 lần tính trên số thuế trốn đối với hành vi trốn thuế có từ 1 tình tiết giảm nhẹ trở lên;

Phạt 1,5 lần tính trên số thuế trốn đối với hành vi trốn thuế mà không có tình tiết giảm nhẹ hoặc tình tiết tăng nặng;

Phạt 2 lần tính trên số thuế trốn đối với hành vi trốn thuế mà có 1 tình tiết giảm nhẹ;

Phạt 2,5 lần tính trên số thuế trốn đối với hành vi trốn thuế có 2 tình tiết tăng nặng;

Phạt 3 lần tính trên số thuế trốn đối với hành vi trốn thuế có 3 tình tiết tăng nặng;

Đối với người nộp thuế trốn thuế, gian lận thuế ngoài bị nộp đủ số tiền thuế trốn, số tiền thuế gian lận.

**2.3. Chương III quy định về hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả**

Chương III dự thảo Nghị định quy định trên cơ sở kế thừa toàn bộ hành vi vi phạm và mức phạt tiền đối với hóa đơn tự in, đặt in tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP, có sửa đổi một số nội dung và bổ sung quy định về hành vi vi phạm quy định về hóa đơn điện tử với mức phạt tiền tương ứng với mức phạt tiền đối với hóa đơn giấy, cụ thể:

1. **Điều chỉnh giảm mức phạt tiền đối với một số hành vi**

Điều chỉnh giảm mức phạt tiền đối với hành vi không lập hóa đơn tổng hợp và hành vi không gạch chéo, hủy, xóa bỏ đối với hóa đơn đã lập, hóa đơn chưa lập không còn giá trị sử dụng (điều chỉnh giảm mức phạt từ 4 triệu đồng đến 8 triệu đồng xuống mức phạt từ 0,5 triệu đồng đến 1,5 triệu đồng để tương ứng với mức độ vi phạm nhẹ).

Bỏ chế tài xử phạt đối với hành vi làm mất hóa đơn nhưng tổ chức cá nhân đã tìm thấy hóa đơn trước khi cơ quan thuế ra quyết định xử phạt.

1. **Bổ sung hành vi vi phạm quy định về khởi tạo, đăng ký sử dụnghóa đơn điện tử như:**

**C**hậm bổ sung thay đổi thông tin trên đăng ký sử dụng hóa đơn; khởi tạo hóa đơn điện tử không đủ nội dung, không đúng định dạng quy định, không đủ các điều kiện quy định; không đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử sai trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế; chậm bổ sung thay đổi thông tin trên đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử từ 10 ngày trở lên; hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền không có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

**c. Bổ sung hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn điện tử như:**

Lập hóa đơn điện tử khi chưa có thông báo chấp thuận của cơ quan thuế; lập hóa đơn sai loại hóa đơn giao cho khách hàng; ngày ghi trên hóa đơn đã lập xảy ra trước ngày mua hóa đơn của cơ quan thuế; lập hóa đơn nhưng không giao hoặc chuyển cho người mua; không lập bảng kê hoặc không lập hóa đơn tổng hợp theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ.

**d.Bổ sung hành vi vi phạm quy định về hủy hóa đơn điện tử và hóa đơn giấy như:**

Chậm hủy hóa đơn giấy khi được thông báo chấp nhận được sử dụng hóa đơn điện tử của cơ quan thuế; không hủy hóa đơn giấy còn tồn chưa sử dụng kể từ khi nhận được thông báo chấp nhận sử dụng hóa đơn điện tử của cơ quan thuế; không hủy hóa đơn điện tử khi lập sai sót.

**đ. Bổ sung hành vi vi phạm quy định về chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử, cụ thể:**

Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế quá hạn; chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế không đầy đủ theo quy định; không chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế theo thời hạn quy định.

**e. Bổ sung hành vi vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử, cụ thể:**

Không công khai thông báo phương thức hoạt động, chất lượng dịch vụ trên Website giới thiệu dịch vụ; không đảm bảo điều kiện cung cấp dịch vụ truyền nhận hóa đơn điện tử và dữ liệu hóa đơn điện tử giữa người mua dịch vụ với cơ quan thuế; vi phạm quy định về lưu kết quả của các lần truyền, nhận hóa đơn điện tử. làm lộ thông tin về dữ liệu hóa đơn điện tử của khách hàng; không chuyển hoặc chậm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử của bên mua dịch vụ đến cơ quan thuế (bên mua dịch vụ lập hóa đơn điện tử đúng hạn) thì tổ chức cung cấp dịch vụ bị xử phạt theo quy định.

**2.4. Chương IV quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn**

a. Quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn của những người có thẩm quyền thuộc cơ quan thuế, cơ quan thanh tra và ủy ban nhân dân, trong đó:

- Quy định chi tiết thẩm quyền xử phạt của công chức thuế, đội trưởng đội thuế và thủ trưởng cơ quan thuế các cấp trong xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn.

- Bổ sung quy định về thẩm quyền xử phạt của chánh thanh tra sở, chánh thanh tra Bộ xử phạt vi phạm hành chính về thủ tục thuế và hóa đơn vì theo quy định tại Điều 38 và Điều 46 Luật xử lý vi phạm hành chính thì Chủ tịch UBND và Chánh thanh tra sở, chánh thanh tra Bộ đều có thẩm quyền xử phạt chung cho các lĩnh vực, cho nên tại dự thảo Nghị định bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

**b. Bổ sung quy định về trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn**

Nội dung về trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn được xây dựng trên cơ sở phù hợp quy định về trình tự, thủ tục xử phạt và theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và phù hợp với thực tiễn đặc thù của ngành Thuế là việc xử phạt chủ yếu là kết quả của quá trình xử lý sau thanh tra, kiểm tra thuế. Bổ sung biểu mẫu xử phạt được sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

**VII. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN**

**...**

*(Tài liệu trình kèm gồm: Dự thảo Nghị định; Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định và tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Bản tổng hợp ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân).*

Trên đây là nội dung của dự thảo Nghị định quy định về xử lý vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn, Bộ Tài chính kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ký ban hành Nghị định./.

***Nơi nhận*** **BỘ TRƯỞNG**

- Như trên;

- Văn phòng Tổng Bí thư;

- Văn phòng Chính phủ;

- Bộ Tư pháp;

- Lưu: VT; TCT(VT, PC(02b)).

**Đinh Tiến Dũng**